

## THÔNG TIN THUỐC

### Thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau tại Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa năm 2026

(LASA – Look Alike, Sound Alike)

#### I. Mở đầu:

Nhầm lẫn thuốc là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tổn hại cho người bệnh trên toàn cầu. Thuốc có tên gọi hoặc bao bì nhìn giống nhau, đọc giống nhau (LASA – Look Alike, Sound Alike) là một nguyên nhân phổ biến gây sai sót thuốc; các nghiên cứu ước tính LASA chiếm khoảng 6,2% – 14,7% các sự cố sai sót liên quan đến thuốc và khoảng 7% các tình huống suýt xảy ra sai sót (near-miss) trong thực hành lâm sàng.

Tại Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa, danh mục thuốc sử dụng hàng năm gồm nhiều biệt dược có tên gọi, hàm lượng và bao bì tương tự nhau, đặc biệt là các thuốc hóa trị, sinh phẩm điều trị đích và thuốc phóng xạ – những nhóm thuốc có khoảng an toàn hẹp, nếu nhầm lẫn có thể gây hậu quả nghiêm trọng cho người bệnh. Bản tin này cung cấp thông tin về thuốc LASA, các yếu tố nguy cơ và biện pháp phòng ngừa nhầm lẫn trong thực hành hàng ngày.

#### II. Nội dung:

##### 1. Định nghĩa:

LASA (Look Alike, Sound Alike) là những thuốc **nhìn giống nhau** (được đóng gói trong bao bì trực tiếp hoặc gián tiếp – vỉ, viên, ống, lọ, chai, túi, hộp – tương tự nhau về hình dạng, màu sắc, kích thước và thiết kế), **đọc giống nhau** (có tên biệt dược hoặc tên hoạt chất phát âm, viết tương tự nhau). Sự nhầm lẫn có thể xảy ra giữa biệt dược với biệt dược, giữa biệt dược với tên chung quốc tế (INN), hoặc giữa các tên chung quốc tế với nhau.

##### 2. Phân loại và ví dụ minh họa tại bệnh viện:

Căn cứ danh mục thuốc năm 2026 và tình hình thuốc thực tế tại bệnh viện, Khoa Dược - VTYT phân loại thuốc LASA thành 4 nhóm:

- **Nhóm A – Nhìn giống nhau, đọc khác nhau:** Ví dụ: Kali clorid 10% và Calci clorid 500mg/5ml – cùng đóng ống tiêm nhỏ, trong suốt, dễ lấy nhầm trên tủ trực nhưng là hai hoạt chất hoàn toàn khác nhau.
- **Nhóm B – Nhìn giống nhau, đọc giống nhau:** Thường là cùng một biệt dược nhưng khác hàm lượng/nồng độ, bao bì gần như giống hệt nhau. Ví dụ: Herzuma 150mg và Herzuma 440mg (Trastuzumab); Zoladex 3,6mg và Zoladex 10,8mg (Goserelin) – nhầm hàm lượng ở nhóm thuốc ung thư có thể gây quá liều hoặc dưới liều điều trị nghiêm trọng.
- **Nhóm C – Nhìn khác nhau, đọc giống nhau:** Khác nhà sản xuất, khác bao bì nhưng tên gọi phát âm gần như nhau. Ví dụ: Doxorubicin "Bidiphar" và Doxorubicin "Ebewe" – cùng hoạt chất nhưng liều tối đa tích lũy khác nhau giữa các dạng bào chế.
- **Nhóm D – Nhìn khác nhau, đọc gần giống nhau:** Ví dụ: Ticarlinat 1,6g và Viticalat 1,6g – tên gọi gần như đảo âm tiết của nhau, dễ đọc/nghe nhầm khi giao tiếp bằng lời hoặc khi ra y lệnh miệng.

*Danh mục chi tiết đầy đủ được Khoa Dược - VTYT ban hành kèm theo văn bản, cập nhật định kỳ theo tình hình cung ứng thuốc thực tế.*

### **3. Yếu tố nguy cơ góp phần gây nhầm lẫn:**

- Chữ viết tay không rõ ràng khi kê đơn, ra y lệnh miệng không được xác nhận lại.
- Bao bì, màu sắc, kích thước hộp/lọ/ống tương tự nhau giữa các thuốc khác hoạt chất.
- Cùng tên biệt dược nhưng nhiều hàm lượng, nhiều quy cách đóng gói khác nhau.
- Sắp xếp, bảo quản các thuốc LASA cạnh nhau trong tủ thuốc, kho thuốc.
- Nhân viên y tế chưa nắm đầy đủ thông tin về danh mục thuốc mới, thuốc ít sử dụng.

- Áp lực thời gian, khối lượng công việc cao tại các thời điểm cấp phát, thực hiện y lệnh.

#### **4. Hậu quả có thể xảy ra:**

Nhầm lẫn thuốc LASA có thể không mang lại hiệu quả điều trị, kéo dài thời gian nằm viện, gây độc tính ngoài ý muốn (đặc biệt với hóa chất điều trị ung thư, thuốc phóng xạ, thuốc có khoảng điều trị hẹp), và trong trường hợp nặng có thể đe dọa tính mạng người bệnh.

#### **5. Biện pháp phòng ngừa, hạn chế nhầm lẫn:**

- Y lệnh ghi rõ ràng tên thuốc, nồng độ/hàm lượng, dạng bào chế, liều dùng, đường dùng.
- Sắp xếp các thuốc LASA tại vị trí xa nhau, không để cạnh nhau trên tủ thuốc, kho thuốc, xe tiêm.
- Dán nhãn cảnh báo "Thuốc dễ nhầm lẫn - LASA" tại vị trí bảo quản đối với các cặp thuốc nguy cơ cao.
- Áp dụng chữ Tall Man (viết hoa phần khác biệt trong tên thuốc) để làm nổi bật điểm khác nhau giữa các tên gần giống.
- Thực hiện quy tắc 3 kiểm tra, 3 đối chiếu (hoặc 5 đối chiếu) trước khi cấp phát từ kho cho khoa phòng, cấp phát cho người bệnh và khi thực hiện y lệnh.
- Kiểm tra chéo bởi ít nhất 2 nhân viên y tế đối với các thuốc LASA có nguy cơ cao (hóa chất, thuốc phóng xạ, thuốc chống đông...).
- Rà soát, cập nhật định kỳ danh mục LASA theo tình hình thuốc thực tế tại bệnh viện.

#### **6. Khuyến cáo cho nhân viên y tế:**

Khi kê đơn, ra y lệnh:

- Ghi đầy đủ, rõ ràng tên thuốc (ưu tiên tên hoạt chất), hàm lượng, dạng bào chế.
- Tránh ra y lệnh miệng đối với các thuốc LASA nguy cơ cao; nếu bắt buộc, cần xác nhận lại bằng văn bản sớm nhất có thể.

Khi cấp phát, thực hiện thuốc:

- Đối chiếu tên thuốc, hàm lượng, hạn dùng, số lô với y lệnh trước khi cấp phát và thực hiện cho người bệnh.
- Không cấp phát, thực hiện thuốc khi còn nghi ngờ; chủ động liên hệ bác sĩ kê đơn hoặc Khoa Dược để xác nhận.
- Thông báo ngay cho Khoa Dược - VTYT khi phát hiện thuốc mới có nguy cơ LASA chưa có trong danh mục để kịp thời cập nhật.

### **III. Kết luận:**

Thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau (LASA) là nguy cơ an toàn người bệnh cần được toàn thể nhân viên y tế trong bệnh viện quan tâm, đặc biệt tại một bệnh viện chuyên khoa ung bướu với nhiều thuốc hóa trị, sinh phẩm và thuốc phóng xạ có khoảng an toàn hẹp. Việc nhận diện đúng thuốc LASA, tuân thủ nghiêm quy trình kiểm tra, đối chiếu và cập nhật thường xuyên danh mục LASA sẽ góp phần hạn chế tối đa sai sót, bảo đảm an toàn cho người bệnh trong suốt quá trình điều trị.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Bryan R, Aronson JK, Williams A, Jordan S. (2021). *The problem of look-alike, sound-alike name errors: Drivers and solutions*. British Journal of Clinical Pharmacology, 87(2), 386–394.
2. World Health Organization (2023). *Medication Safety for Look-Alike, Sound-Alike Medicines*.
3. Khoa Dược - VTYT, Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa (2026). *Thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau tại Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa năm 2026 (LASA)*.

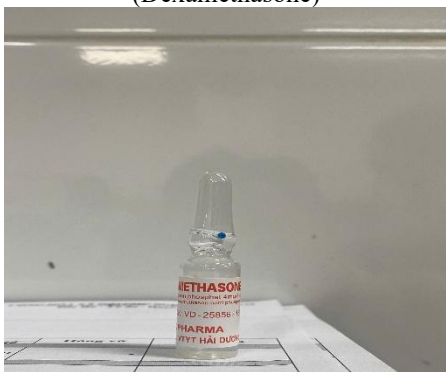
**Tổ thông tin thuốc – Dược lâm sàng  
Bệnh viện Ung bướu Thanh Hoá**

## PHỤ LỤC

Danh mục chi tiết thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau (LASA) tại Bệnh viện Ung bướu Thanh Hóa năm 2026

### DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU ĐỌC GIỐNG NHAU KHO NỘI TRÚ

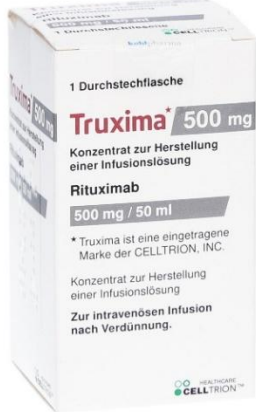
(Look alike, Sound Alike - LASA)

| STT | Tên thuốc, hàm lượng, hình ảnh                                                                                                             |                                                                                                                                               | Lưu ý                                                             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| A   | Thuốc nhìn giống nhau, đọc khác nhau                                                                                                       |                                                                                                                                               |                                                                   |
| 1   | <p>Kali clorid Kabi 10%<br/>(Kali Clorid 10%; 10ml)</p>  | <p>Calci clorid 500mg/5ml<br/>(Calci clorid dihydrat)</p>  | Khác tên thuốc, khác hoạt chất.                                   |
| 2   | <p>Gentamicin 80mg/2ml<br/>(Gentamicin)</p>             | <p>Dexamethason 4mg<br/>(Dexamethasone)</p>               | Khác tên thuốc, khác hoạt chất.                                   |
| B   | Thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau                                                                                                      |                                                                                                                                               |                                                                   |
| 1   | <p>Rixathon (Rituximab) 100Mg/10mL H/1lọ</p>            | <p>Rixathon (Rituximab) 500Mg/50mL H/1lọ</p>              | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng |

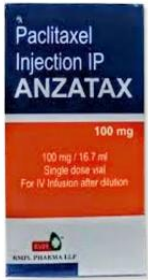
|   |                                                                                                                                            |                                                                                                                                              |                                                                                                             |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | <p>Lipofundin MCT/LCT 10% 250ml<br/>(Nhũ dịch lipid)</p>  | <p>Lipofundin MCT/LCT 20% 100ml<br/>(Nhũ dịch lipid)</p>  | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất, khác hàm<br/>lượng hoặc thể<br/>tích.</p> |
| 3 | <p>Bestdocel 20<br/>(Docetaxel)</p>                       | <p>Bestdocel 80<br/>(Docetaxel)</p>                        | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất, khác hàm<br/>lượng.</p>                   |
| 4 | <p>Docetaxel "Ebewe" 10mg/ml, lọ 8ml</p>                 | <p>Docetaxel "Ebewe" 10mg/ml, lọ 2ml</p>                  | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất, khác hàm<br/>lượng.</p>                   |
| 5 | <p>Biluracil 1g<br/>(Fluorouracil)</p>                  | <p>Biluracil 500mg<br/>(Fluorouracil)</p>                | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất, khác hàm<br/>lượng.</p>                   |

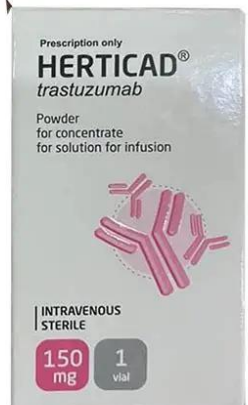
|   |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                           |                                                                     |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 6 | <p>Vinorelbine Alvogen 20mg Soft Capsules</p>                          | <p>Vinorelbine Alvogen 80mg Soft Capsules</p>                           | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng.  |
| 7 | <p>AFATIN 30</p>                                                      | <p>AFATIN 40</p>                                                       | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng.  |
| 8 | <p>Epirubicin Bidiphar 10<br/>(Epirubicin hydroclorid 10mg/5ml)</p>  | <p>Epirubicin Bidiphar 50<br/>(Epirubicin hydroclorid 50mg/25ml)</p>  | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng.  |
| 9 | <p>Tanganil 500mg ( Viên Uống)<br/>Acétyl-leucine</p>                | <p>Tanganil 500mg/5ml<br/>Acetyl-leucine 500mg/5ml</p>                | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác đường dùng. |

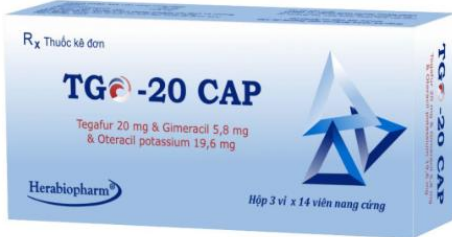


|    |                                                                                                                                  |                                                                                                                                   |                                                                                           |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | <p>Zoladex 10,8 mg<br/>(Goserelin)</p>          | <p>Zoladex 3,6 mg<br/>(Goserelin)</p>           | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất, khác hàm<br/>lượng.</p> |
| 11 | <p>Epamiro 300<br/>(lopamidol hộp 50ml)</p>     | <p>Epamiro 300<br/>(lopamidol hộp 100ml)</p>    | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất, khác hàm<br/>lượng.</p> |
| 12 | <p>Navelbine 20<br/>( Vinorelbine 20mg )</p>  | <p>Navelbine 30<br/>( Vinorelbine 30mg )</p>  | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất, khác hàm<br/>lượng.</p> |
| 13 | <p>Truxima 100mg/10ml</p>                     | <p>Truxima 500mg/50ml</p>                     | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất, khác hàm<br/>lượng</p>  |



|    |                                                                                                               |                                                                                                                |                                                                   |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 14 | <p>TS-One Capsule 20</p>     | <p>TS-One Capsule 25</p>     |                                                                   |
| 15 | <p>Anzatax 100mg/16,7ml</p>  | <p>Anzatax 150mg/25ml</p>   | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng |
| 16 | <p>Rinocan 40mg/ 2ml</p>   | <p>Rinocan 100mg/ 5ml</p>  | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng |
| 17 | <p>Bigemax 1g</p>          | <p>Bigemax 200mg</p>       | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng |

|    |                                                                                                                            |                                                                                                                             |                                                                                |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 18 | <p>Diphereline P.R 3,75mg</p>             | <p>Diphereline P.R. 11.25mg</p>           | Cùng hoạt chất,<br>cùng tên thuốc,<br>cùng nhà sản<br>xuất, khác hàm<br>lượng  |
| 19 | <p>Levothyrox (Levothyroxin) 50mcg</p>    | <p>Levothyrox (Levothyroxin) 100mcg</p>   | Cùng hoạt chất,<br>cùng tên thuốc,<br>cùng nhà sản<br>xuất, khác hàm<br>lượng  |
| 20 | <p>Herzuma 440mg<br/>(Trastuzumab)</p>  | <p>Herzuma 150mg<br/>(Trastuzumab)</p>  | Cùng hoạt chất,<br>cùng tên thuốc,<br>cùng nhà sản<br>xuất, khác hàm<br>lượng. |
| 21 | <p>Herticad 150mg</p>                   | <p>Herticad 440mg</p>                   | Cùng hoạt chất,<br>cùng tên thuốc,<br>cùng nhà sản<br>xuất, khác hàm<br>lượng. |

|    |                                                                                                                                          |                                                                                                                                           |                                                                    |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 22 | <p>Trazimera 150mg</p>                                  | <p>Trazimera 420mg</p>                                  | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng. |
| 23 | <p>Vegzelma 100mg/4ml (Bevacizumab)</p>                | <p>Vegzelma 400mg/16ml (Bevacizumab)</p>               | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng. |
| 24 | <p>Tgo-20 CAP (Tegafur+Gimeracil+Oteracil)</p>        | <p>Tgo-25 CAP (Tegafur+Gimeracil+Oteracil)</p>        | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, khác hàm lượng.                    |
| 25 | <p>Lipofundin MCT/LCT 10% 250ml (Nhũ dịch lipid)</p>  | <p>Lipofundin MCT/LCT 10% 500ml (Nhũ dịch lipid)</p>  | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nồng độ, khác thể tích.       |

|    |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                        |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 26 | <p>Partamol 650 eff.<br/>(Paracetamol)</p>                               | <p>Partamol Tab.<br/>(Paracetamol)</p>                   | Cùng tên thuốc, cùng hoạt chất, khác dạng bào chế (viên sủi/viên nén). |
| C  | <b>Thuốc nhìn khác nhau, đọc giống nhau</b>                                                                                                               |                                                                                                                                            |                                                                        |
| 1  | <p>Lyoxatin 100mg/20ml<br/>(Oxaliplatin 100mg/20ml)</p>                 | <p>Lyoxatin F50<br/>(Oxaliplatin 50mg)</p>              | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng.     |
| 2  | <p>Doxorubicin Bidiphar 10<br/>(Doxorubicin hydroclorid 5ml/10mg)</p>  | <p>Doxorubicin Bidiphar 50<br/>(Doxorubicin 50mg)</p>  | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, cùng nhà sản xuất, khác hàm lượng.     |
| 3  | <p>Doxorubicin “Ebewe” 10mg<br/>(Doxorubicin 10mg)</p>                 | <p>Doxorubicin Bidiphar 50<br/>(Doxorubicin 50mg)</p>  | Cùng hoạt chất, cùng tên thuốc, khác nhà sản xuất, khác hàm lượng.     |
| D  | <b>Thuốc nhìn khác nhau, đọc gần giống nhau</b>                                                                                                           |                                                                                                                                            |                                                                        |

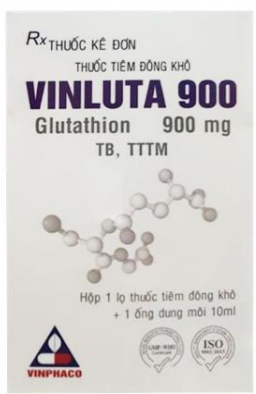
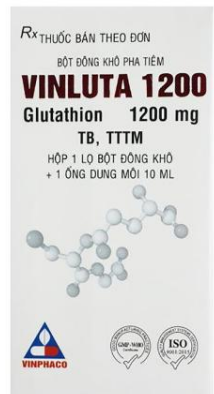


|   |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                         |                                                                                           |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | <p>Cefoxitin 1g</p>                                                              | <p>Cefoxitin 2g</p>                   | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất, khác hàm<br/>lượng.</p> |
| 2 | <p>Soravar<br/>(Sorafenib (dưới dạng Sorafenib Tosylate form II)<br/>200mg)</p>  | <p>Nexavar<br/>(Sorafenib 200mg)</p>  | <p>Cùng hoạt chất,<br/>khác NSX</p>                                                       |
| 3 | <p>Ticarlinat 1.6g</p>                                                          | <p>Vitalat 1.6g</p>                  | <p>Cùng hoạt chất,<br/>khác NSX</p>                                                       |
| 4 | <p>Asstrozol</p>                                                               | <p>Anastrole</p>                    | <p>Cùng hoạt chất,<br/>khác NSX</p>                                                       |
| 5 | <p>Zolodal Tab 100</p>                                                         | <p>Zodalan</p>                      | <p>Khác tên thuốc,<br/>khác hoạt chất.</p>                                                |

|          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                               |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| <p>6</p> | <p>Epamiro 300<br/>(Iopamidol)</p>  <p>THUỐC KÊ ĐƠN<br/>DUNG DỊCH TIÊM<br/><b>EPAMIRO 300</b><br/>Iopamidol<br/>612 mg/ml<br/>(tương đương với Iod 300 mg/ml)</p> <p>Tiêm tĩnh mạch<br/>Tiêm động mạch<br/>Tiêm vào khoang nơi tổn thương</p> <p>Hộp 1 lọ 100 ml</p> <p>AN THIÊN PHARMA<br/>CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN<br/>314 Bàng Sao, Phường 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh</p> | <p>Iopamiro<br/>(Iopamidol)</p>  <p>BRACCO<br/><b>Iopamiro®</b><br/>300<br/>Non-ionic, water soluble<br/>contrast medium<br/>Iopamidol<br/>One bottle of 50 ml<br/>15 g of Iodine</p> | <p>Cùng hoạt chất (Iopamidol), khác nhà sản xuất, tên đọc gần giống nhau.</p> |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|



**DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU ĐỌC GIỐNG NHAU  
NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN  
(Look alike, Sound Alike - LASA)**

| STT | Tên thuốc, hàm lượng, hình ảnh                                                                                               |                                                                                                                                 | Lưu ý                                                                          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| B   | Thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau                                                                                        |                                                                                                                                 |                                                                                |
| 1   | <p>Usaralphar 4200 UI</p>                   | <p>Usaralphar 8400 UI</p>                     |                                                                                |
| 2   | <p>Vinluta 900<br/>(Glutathion 900mg)</p>  | <p>Vinluta 1200<br/>(Glutathion 1200mg)</p>  | Cùng hoạt chất,<br>cùng tên thuốc,<br>khác hàm lượng,<br>cùng nhà sản<br>xuất. |
| 3   | <p>Golistin soda</p>                      | <p>Golistin-enema</p>                       | Cùng hoạt chất,<br>cùng tên thuốc,<br>khác hàm lượng,<br>cùng nhà sản<br>xuất. |

|   |                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                              |                                                                                                     |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | <p>Combilipid Peri Injection 1920ml<br/>(Acid amin + Glucose + Lipid)</p>  | <p>Combilipid Peri Injection 1440ml<br/>(Acid amin + Glucose + Lipid)</p>  | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>khác thể tích,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất.</p>            |
| 5 | <p>Combilipid Peri Injection 375ml<br/>(Acid amin + Glucose + Lipid)</p>  | <p>Combilipid Peri Injection 384ml<br/>(Acid amin + Glucose + Lipid)</p>  | <p>Cùng hoạt chất,<br/>cùng tên thuốc,<br/>khác thể tích,<br/>cùng nhà sản<br/>xuất.</p>            |
| C | <p><b>Thuốc nhìn khác nhau, đọc giống nhau</b></p>                                                                                                          |                                                                                                                                                              |                                                                                                     |
| 1 | <p>A.T Glutathion 600inj<br/>(Glutathion 600mg)</p>                      | <p>Atigluton 1200<br/><br/>(Glutathion 1200mg)</p>                       | <p>Cùng hoạt chất,<br/>tên thuốc gần<br/>giống nhau, cùng<br/>nhà sản xuất,<br/>khác hàm lượng.</p> |

|   |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                            |                                                                                 |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | <p style="text-align: center;">CTT Proxim 200<br/>(Cefpodoxim 200mg)</p>  | <p style="text-align: center;">CTT Prozil 500<br/>(Cefprozil 500mg)</p>  | <p>Khác hoạt chất,<br/>tên thuốc gần<br/>giống nhau, khác<br/>nhà sản xuất.</p> |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|